

## **Việt Nam cần một nền văn minh tổng hợp Đông Tây kim cổ**

Trong cuốn *Triết Lý Lý Đông A*, Tiến sĩ Phạm Khắc Hàm nhận định rằng thế kỷ 20 là một thế kỷ “bản lề” của lịch sử con người, “đánh dấu một nếp gãy trong cách thức sống và tư duy của nhân loại.”<sup>1</sup>

Ông đưa ra giản đồ tri thức giải thích tư duy trải hàng vạn năm chỉ la đà ngang ngang trục hoành. Đầu thế kỷ 20, đường biểu diễn tri thức cong dần rồi vọt thẳng lên theo trục tung, với “Thuyết Tương Đối Đặc Biệt nêu lên tính chất tổng thể của không-thời gian và phá sập nền tảng của cơ học Newton. Thuyết Tương Đối Tổng Quát mô tả Vũ trụ bằng hình học 4 chiều Riemann, và mở đường cho các nhà khoa học nghiên cứu bản thể Vũ trụ, một lãnh vực xưa kia thuộc siêu hình học. Thuyết Cơ học Nguyên Lượng nghiên cứu bản thể của Vật chất, một lãnh vực khác của siêu hình học và thêm một lần nữa, tàn phá những gì còn sót lại của nền tảng tư duy...”, tựa như một “cơn bão trong thời gian và trong tâm thức” với sức “tàn phá kinh khủng”. Bởi theo ông, “các chuyện mà cách đây khoảng trăm năm, chỉ có các thần linh mới có thể làm được thì bây giờ đã trở thành chuyện tầm thường đến nỗi ai nấy đều cho là chuyện đương nhiên, như mắt nhìn xa vạn dặm (*thiên nhãn thông*), tai nghe xa vạn dặm (*thiên nhĩ thông*), bay trên trời như chim (*thần túc thông*)...”

Thế kỷ 20, nhân loại cũng chứng kiến hầu như toàn Á châu và Phi châu đều nằm “trong vòng nô lệ. Bây giờ tất cả đã được giải phóng và con đường dân chủ là bất khả phản hồi...”

Nhưng “nô lệ” và “giải phóng” đều nằm trong thế tương tranh quốc tế giữa tư bản và cộng sản, cả hai đều thoát thai từ phương Tây, kéo dài từ cuộc ganh đua duy vật-duy tâm tranh chấp nhau, kéo cả nhân loại vào cuộc chiến mà nước ta là nạn nhân bi thảm nhất.

Tất cả các biến cố xảy ra trong thế kỷ 20, từ xã hội, chính trị, quân sự đến khoa học, triết học... liên quan với nhau “như những mắt lưới”. Vẫn theo Tiến

---

<sup>1</sup> Phạm Khắc Hàm (1997). *Triết Lý Lý Đông A*. Nhóm Diễn đàn Địa Lý Nhân văn Việt Nam, Ch. 1.

sĩ Phạm Khắc Hàm, chúng thay đổi, nổ tung đến mức tạo ra những cơn địa chấn làm "rung chuyển địa cầu."

Nhưng nếp gãy tăng trưởng của tri thức lại ứng với "khủng hoảng tư duy" vì "kiến thức ào ào đổ tới như thác lũ, tâm thức phải đổi thay cho phù hợp với sự hiểu biết mới. Nếu không thay đổi kịp thời, người ta sẽ cảm thấy bất an..." Nhưng thay vì thay đổi tâm thức, cả nhân loại lại phải lao theo phương Tây trong cuộc tranh chấp ý thức hệ tả hữu, cộng sản và tư bản.

Tộc Việt với nền văn minh lúa nước, thấm nhuần nguyên lý âm dương (hèm Tiên Rồng), biết cách thống nhất các khác biệt đối lập, hợp tan, tranh chấp tả hữu của cuộc sống qua nhiều câu chuyện trong huyền sử, ca dao tục ngữ, được thể hiện ngay trong ngôn ngữ và cuộc sống hằng ngày, hẳn có khả năng đưa ra một tầm nhìn mới hợp thời đại, mở ra nước Đại Việt thời 2000, tiếp nối Đại Việt 1000 (Lý-Trần), tương xứng với bề dày lịch sử và văn hoá trải dài hàng vạn năm, từ huyền sử sang chính sử.

Việt Nam hết thoát Hán thì lệ thuộc Pháp. Thoát Pháp lại quay cuồng trong cơn lốc tương tranh Nga-Mỹ. Giờ lại đang bị Hán hoá dưới vỏ bọc chủ nghĩa cộng sản của hai đảng anh em, và đang kẹt trong tương tranh mới Mỹ-Trung.

Làm thế nào để Việt tộc thoát khỏi các gọng kìm nguy hiểm có thể dẫn tới diệt vong, không chỉ về mặt thể chất mà cả về tinh thần? Bởi nếu không độc lập về văn hoá sẽ không tạo được độc lập chính trị, tức không có nền độc lập siêu nhiên.

Với những thay đổi triệt để khốc liệt nêu trên, nếu không loại bỏ được tranh chấp giữa những người trong tộc Việt với nhau để cùng chống lại cuộc Hán hoá mới, lũng trong thế tranh hùng Mỹ-Trung thì họa diệt vong đã rất cận kề.

Nhưng loại bỏ tranh chấp không có nghĩa bên này phải theo bên kia, nhưng là cùng trở về với cái nôi dân tộc, nơi dung chứa mọi dị biệt và cũng là nơi để tạo được một mẫu số chung cần thiết. Bởi trong thế kỷ vừa qua, hai miền Nam Bắc đã bị lôi cuốn vào cơn lốc tương tranh quốc tế của hai tầm nhìn phiến diện, hoặc nghiêng về tinh thần (duy tâm), hoặc thiên về vật chất (duy vật), trong khi văn hoá Việt đã hoá giải được các khác biệt để thống nhất đối lập từ ngàn xưa (truyện Gậy Thần và Sách Ước).

Lý Đông A, tên thật là Nguyễn Hữu Thanh (1920-1946?), Thư ký trưởng Đảng Đại Việt Duy Dân, nhà cách mạng mang tâm chất của một nhà tư tưởng và nhà thơ, kết tinh của dân tộc Việt đã làm công cuộc kiểm thảo lại toàn bộ tri thức nhân loại từ cổ chí kim, dựa trên nền tảng văn hoá dân tộc, đã tập đại thành (đại tổng hợp), sáng tạo triết thuyết Nhân Chủ, bổ khuyết cho cả tâm-triết lẫn vật-triết. Ông trình bày triết thuyết của ông trong một bộ sách mà ông đặt tên là "Việt Duy Dân Quốc Sách Thảo Án Toàn Pho".<sup>2</sup>

Tiến sĩ Phạm Khắc Hàm cho rằng triết học phương Đông được xem như đã hoàn chỉnh từ hai ngàn năm trước và gần như nắm toàn bộ trong các tác phẩm cổ điển như Tứ Thư, Ngũ Kinh, Bách Gia Chư Tử... của Trung Quốc, hay Áo Nghĩa Thư, Kinh Vệ Đà của Ấn Độ, hoặc Tam Tạng kinh điển của Phật giáo, với số lượng từ giới hạn và những thuật ngữ quen thuộc nên tương đối dễ hiểu. Trái lại, triết Tây có thể xem như luôn "trong tình trạng đang hình thành", họ tìm những ý niệm, đề tài mới, vùng hoang vu của tri thức nên phải tạo ra những từ ngữ mới. Lý tiên sinh có sự tương đồng là cũng "rời bỏ các đường mòn để khai phá những lãnh vực hoang sơ của tư tưởng", vì thế mà ông cần có từ vựng riêng, ngoài những Hán tự có thể tìm trong các từ điển.

Vì soạn thảo gấp rút trong một thời gian quá ngắn, lại còn phải lập đảng chống Pháp và cộng sản, Lý Đông A chưa có thì giờ triển khai tư tưởng của ông. Như một triết gia, ông phải sử dụng những thuật ngữ mới, từ ngữ rất chính xác, lý luận khúc chiết và mạch lạc, nhưng cách hành văn quá súc tích và câu văn thường quá tóm gọn nên tài liệu của ông rất khó đọc. Tuy nhiên, trong một câu văn thường có những chữ chủ yếu, ở cả ba vị trí chủ từ, động từ hoặc túc từ, hãy đọc lướt cả câu và nắm bắt những chữ chủ yếu đó, sắp xếp lại cho hợp lý, câu văn sẽ sáng tỏ. Đó là kỹ thuật đọc bằng trực giác hay vô thức mà cách phân tích theo khoa học thường không thực hiện được.

Ông đi trước thời đại và thuận chiều chứ không ngược thời đại, và vì học thuyết của ông tổng hợp cả ba ngành học sử-khoa-triết<sup>3</sup> (từ quá khứ đến tương lai) một cách thống nhất, nên càng tham chiếu nhiều sách báo theo

---

<sup>2</sup> <https://thangnghia.org/tuyen-tap-ly-dong-a/>

<sup>3</sup> Sử-khoa-triết (sử học, khoa học, triết học): Đứng ra là sử học, khoa học, đạo học. Đạo học cao sâu hơn và bao gồm cả triết học.

ba khoa trên mà ông gọi là “căn bản học” (sử, khoa, triết), càng dễ tìm hiểu tư tưởng Lý Đông A.

Để khởi đầu đi vào tư tưởng của ông, trước hết cần tìm hiểu người là gì? Những điều nào tạo nên con người? Người khác vật ở chỗ nào? Có thấu đáo người là gì mới thiết kế được một xã hội theo cách sống của loài người.

### **Thế nào là người?**

Đông tây kim cổ, các triết gia đều cố gắng tìm hiểu xem người là gì, khác biệt với các giống khác ra sao? Chẳng hạn tư tưởng Đông phương xem người là “đức của trời đất”, được xem như ngang hàng với trời đất trong ba ngôi vị trời-đất-người. Khổng Tử tuy không định nghĩa rõ rệt nhưng cho rằng người quân tử phải làm điều chân chính; tu thân tề gia; giữ mối cương thường (tam cương ngũ thường) và cai trị bằng đạo đức. Mạnh Tử cho rằng người có tính thiện (nhân chi sơ, tính bản thiện); quân tử phải có hạo nhiên chính khí, lấy đức thu phục người.

Bên trời Tây, Aristotle cho rằng người là sản phẩm của xã hội. René Descartes quan tâm đến tư tưởng nên ông phát biểu: Tôi tư duy; do đó tôi hiện hữu (I think; therefore I am). Cũng thế, Blaise Pascal cho người là một cây sậy có tư tưởng. Karl Marx chi tiết hơn, ông cho rằng người là sự thống nhất và chịu sự tác động giữa hai mặt sinh vật và xã hội. Marx sáng tạo thuật ngữ “lao động” và cho rằng qua lao động mà vượt thành người.

Tóm lại, qua sự tìm hiểu của các triết gia đông tây kim cổ, tuy mỗi người nhận ra một khía cạnh khác nhau nhưng tựu trung, có thể tóm kết như sau: con người là loài sống trong thiên nhiên, chịu sự tác động của thiên nhiên, có tư tưởng và có xã hội tính.

### **Tự nhiên, Tư tưởng và Xã hội thống nhất**

Đây là cái nhìn tổng hợp của Lý Đông A khi ông cho rằng ba phạm trù tự nhiên, tư tưởng và xã hội thống nhất nơi con người.<sup>4</sup>

Tương tự với tầm nhìn của Lý tiên sinh, nhà vật lý và lý thuyết hệ thống (system theorist) Fritjof Capra trong cuốn *The Systems View of Life*<sup>5</sup> nêu lên

---

<sup>4</sup> Lý Đông A (không ghi năm). *Chìa Khoá Thăng Nghĩa*. Học hội Thăng Nghĩa 2020 (4899 T.V.), tr. 5

<https://thangnghiadotorg.files.wordpress.com/2021/01/chiakhoathangnghia.pdf>

một tầm nhìn hệ thống có tính thống nhất (unified systemic vision) của đời sống bao gồm các khía cạnh sinh học [tự nhiên], nhận thức [tư tưởng], xã hội và sinh thái (intergration of life's biological, cognitive, social and ecological dimensions).

Khoáng sản, động vật, thực vật... thuộc phạm trù *tự nhiên*, nuôi dưỡng con người. Văn học, nghệ thuật, lòng can đảm, tình yêu nước... thuộc phạm trù *tư tưởng*. Người không thể sống một mình mà sống chung với những người khác, thuộc phạm trù *xã hội*. Vậy người là một tổng hợp của cả ba phạm trù tự nhiên, tư tưởng và xã hội. Điều này giúp người nhận ra rằng khi khai thác thiên nhiên để làm phong phú đời sống thì cũng phải tìm cách bảo tồn thiên nhiên, bởi huỷ hoại thiên nhiên, con người cũng tàn lụi.

Tất cả mọi hiện tượng sống liên quan đến người đều bao gồm ba phạm trù trên, chẳng hạn "cái bàn". Bàn được làm bằng gỗ hay sắt, thuộc phạm trù tự nhiên. Thiết kế bàn như thế nào, ba hay bốn chân, thuộc phạm trù tư tưởng. Danh từ "cái bàn" do xã hội đặt tên, thuộc phạm trù xã hội.

Lý Đông A còn đi xa hơn khi tìm hiểu về con người. Ông thấy rằng ngoài ba phạm trù thống nhất nơi mỗi người nói trên, người còn có khả năng tu chỉnh tự nhiên để thành người.

### **Khả năng tu chỉnh tự nhiên**

Con người khởi đầu bằng cuộc sống hoang sơ. Từ hoang sơ, người tiền sử đã dần biết sáng tạo các dụng cụ đơn giản. Các nhà nhân chủng tìm thấy các viên đá được đẽo cho sắc bén, các mảnh đá nhọn và búa đá cách đây hai triệu năm. Họ còn biết di chuyển đá từ nơi này đến nơi xa khác để săn bắt. Dù chỉ là các dụng cụ thô sơ, chúng đánh dấu những giai đoạn đầu tiên về khả năng người tiền sử có thể thay đổi (đẽo đá cho nhọn sắc) và sắp xếp lại môi trường chung quanh (alter and rearrange the surroundings).<sup>6</sup>

---

<sup>5</sup> Fritjof Capra and Pier Luigi Luisi (2014). *The Systems View of Life: A Unifying Vision*. Cambridge University Press.

<sup>6</sup> Rick Potts. *The Moral Dilemma We Face in the Age of Humans*. Smithsonian.com, dated October 7, 2014, accessed 26 January 2018, <https://www.smithsonianmag.com/smithsonian-institution/moral-dilemma-we-face-age-of-humans-180952909/?no-ist>

Khả năng biến đổi môi trường cho thuận tiện và phù hợp với mình đã trở thành nền tảng cho đời sống nhân loại mà Lý Đông A gọi là sự *tu chỉnh tự nhiên*. Nhận xét này tương đồng với quan sát của nhà Cổ Sinh học (Paleoanthropologist) Rick Potts khi ông ta cho rằng: “Sự khác biệt giữa con người ngày nay với các giống người [tiền sử] thân cận đã tuyệt chủng là những sự thích nghi cơ bản của chúng ta dựa nhiều vào khả năng thay đổi môi trường chung quanh. Đây là phương thức sống còn của chúng ta”<sup>7</sup>.

Nhìn sâu xa hơn Rick Potts, Lý tiên sinh nhận thấy khả năng thay đổi môi trường sống (*tu chỉnh tự nhiên*) không chỉ là “phương thức sống còn” mà còn làm cho con người thành tựu và tiến hoá luôn mãi: “*Loài người thành tựu được là bởi sự tu chỉnh tự nhiên, nó là cuộc cách mạng tối sơ của loài người, nó là động cơ tiến hóa không dứt, nó là nét phác cần yếu nhất của cương thường*”<sup>8</sup>. Hàng triệu năm qua, nếu tổ tiên chúng ta chỉ biết săn bắt hái lượm thôi thì không thể tạo được nền văn minh như ngày nay.

Một trong những khả năng tu chỉnh tự nhiên là trồng trọt. Hạt cây từ trái chín rụng xuống đất thì chỉ thụ động chờ mưa thuận gió hoà mới mọc lên. Con người trái lại, chủ động đem hạt đi trồng, không chỉ tại chỗ mà còn ở những nơi thời tiết thích hợp, vun tưới bón phân để thu hoạch cao hơn. Lý tiên sinh gọi đó là “*tái sinh sản bởi loài người đối với tự nhiên sinh sản*”<sup>9</sup>. Thuần hóa súc vật, dùng lửa nấu chín thức ăn, biết giữ vệ sinh... cũng mang ý nghĩa tương tự.

Đất trời hiện hữu từ muôn thuở nhưng chỉ người mới biết phân chia thời gian cho có đầu có cuối, xuân hạ thu đông, rồi cứ thế tiến hoá. Sự xuất hiện của người đã làm cho đời sống có ý nghĩa. Người “lập tâm cho trời đất, lập mệnh cho nhân sinh, kể vãng khai lai”.

---

<sup>7</sup> Rick Potts. *The Moral Dilemma*, Oct. 7, 2014.

<sup>8</sup> Lý Đông A (1943). *Duy Nhân Cương Thường*. Học Hội Thăng Nghĩa 2016 (4895 T.V.), tr. 25.  
Cương thường không phải là ‘tam cương ngũ thường’, mà là đời sống đặc thù của loài người.  
<https://thangnghiadotorg.files.wordpress.com/2018/03/duynhancuongthuong-version-layouted-apr2016.pdf>

<sup>9</sup> Lý Đông A (1943). Sđd, tr 24.  
<https://thangnghiadotorg.files.wordpress.com/2021/03/duynhancuongthuong-version-layouted-apr2016-rev.pdf>

Lý tiên sinh nhận thấy người còn khác các động vật khác ở nhân tính, trái ngược với thú tính. Người đặt ra tiêu chuẩn để tu chỉnh, cải sửa thú tính cho nhân tính hiển lộ và thăng hoa.

### **Xã Hội Tự Tính**

Lý Đông A cho rằng xã hội được thành lập thông qua *xã hội tự tính*, bao gồm: sắc tính (nhu cầu duy trì và phát triển nòi giống), nhu yếu tính (ăn, ở, mặc...), và xã hội tính (nhu cầu hợp quần). Qua ba 'tính' này, người quần tụ với nhau mà thành xã hội. Bất cứ xã hội nào khi được thành lập đều từ các tính trên, được ông gọi là *xã hội tự tính*. Ngoài ra còn tự vệ tính là thuộc tính của tính xã hội trong giai đoạn đầu đấu tranh với tự nhiên.<sup>10</sup>

### **Nhân Tính**

Nhưng nếu chỉ dừng ở đó, ta chưa thấy rõ nhân tính. Xã hội tự tính mới chỉ là 'thiên tính'. Con ong, cái kiến cũng đều có các tính đó. Vậy đâu là nhân tính?

Khởi đầu, do bộ óc chưa triển nở, nhận thức thấp nên người sống như các động vật khác: cũng ăn lông ở lỗ, ăn sống nuốt tươi, đực cái lẫn lộn, ý mạnh hiếp yếu v.v... Dần dà, người nhận ra rằng không thể sống như động vật mà cần phải tiến hoá, hướng thượng thăng hoa để sống một đời người thay vì là kiếp vật.

Về sắc tính, người chuyển từ quan hệ đực cái sang nam nữ, vợ chồng, và thiết lập các nghi thức kèm theo. Sự trung *trinh* với nhau trong cuộc sống hôn nhân được chọn làm tiêu chuẩn, không còn là đực cái nữa.

Với nhu yếu tính (ăn, ở, mặc..., quy mô lớn hơn được gọi là kinh tế), người thấy rằng tranh đoạt hơn thua về vật chất không phải là cách sống của loài người mà cần phải tạo *bình* đẳng về cơ hội, nghĩa vụ và quyền lợi trong việc tạo dựng và hưởng dụng tài nguyên thiên nhiên cũng như của cải tạo ra.

---

<sup>10</sup> Lý Đông A (1945). *Bình Sản Kinh Tế*. Học hội Thăng Nghĩa 2017 (4896 T.V.), tr. 2-3. <https://thangnghiadotorg.files.wordpress.com/2020/01/binhsankinhhte-version-layouted-nov2017.pdf>

Khi cơ hội, nghĩa vụ và quyền lợi càng bình đẳng, chênh lệch giàu nghèo trong xã hội càng ít cách biệt, mọi người không phải quá lo cho cơm áo gạo tiền bởi thành quả lao động được phân chia tương đối đồng đều (bình đẳng về quyền lợi).

Tại Mỹ, hệ thống đại học có một số trường nổi tiếng và mắc mỏ (ivy league schools), nhiều trường không tiếng tăm với học phí rẻ. Tạm thời loại bỏ những yếu tố ảnh hưởng đến việc nhập học thì hai người tốt nghiệp ở hai trường với cùng một ngành sẽ được trả lương khá cách biệt, có khi gấp đôi. Như vậy cơ hội giáo dục chưa bình đẳng, đem đến cơ hội tiến thân trong xã hội sẽ rất khác nhau. Các nước Bắc Âu đã giải quyết việc này khá ổn thoả bằng cách thiết lập một hệ thống đại học bình đẳng. Sinh viên học sinh không phải trả chi phí giáo dục từ tiểu tới đại học.

Giả sử sinh viên tốt nghiệp từ trường không mấy tiếng tăm, sau một thời gian cố gắng học tập và làm việc đã vươn lên mức lương tương đương với người tốt nghiệp từ trường nổi tiếng. Hai người này sẽ phải đóng một mức thuế thu nhập như nhau (same tax bracket). Như vậy nghĩa vụ đóng thuế có thể xem như không bình đẳng bởi sự phát xuất của hai sinh viên đến từ hai ngôi trường rất cách biệt.

Tại Nhật, người ta quy định lương giám đốc chỉ hơn lương công nhân một mức nào đó thôi. Bắc Âu cũng tương tự, có quốc gia còn dành quyền quyết định các mức lương bổng cho sự thương lượng giữa hiệp hội chủ nhân và đại diện nghiệp đoàn. Nhờ đó, cách biệt giàu nghèo không cao như ở Mỹ.

Nếu là công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán, người ta có thể làm nhiều hơn thế để giới hạn cách biệt, chẳng hạn hai giới chủ nhân và công nhân có thể thương lượng để công nhân, tùy theo tài năng và mức thâm niên mà được hưởng bao nhiêu cổ phiếu của công ty, bởi sự thành đạt của công ty có phần đóng góp rất lớn của tầng lớp công nhân.

Điều này là quan trọng để chính người dân quyết định lấy đời sống kinh tế, giảm bớt sự can thiệp của nhà nước hoặc lũng đoạn của các đảng phái.

Nhân nói về người dân quyết định lấy đời sống mình (*dân chủ nhân chủ*) xin mở một dấu ngoặc. Xã hội Việt trong giai đoạn cường thịnh nhất (Lý-Trần), hệ thống chính trị được phân chia khá rõ rệt: những gì liên quan đến cả nước, thuộc trách nhiệm của trung ương thì triều đình quyết định (trung



ương tập quyền). Chẳng hạn việc tổ chức hệ thống phòng thủ chống giặc (tức quốc phòng – toàn dân vi binh, toàn địa vi phòng), ngoại giao, an toàn xã hội... Nhưng những gì thuộc về địa phương thì địa phương tự quản (địa phương phân quyền) đến độ phép vua cũng phải dừng lại trước cổng làng (*phép vua thua lệ làng*).

Điều này là hợp lý bởi triều đình xa xôi, không biết những thuận lợi cũng như khó khăn của từng địa phương nên địa phương quyết định là hiệu quả nhất. Xem như thế thì hệ thống chính trị thời Lý-Trần và Lê Thánh Tông - *trung ương tập quyền, địa phương phân quyền* - gọi là *đơn quyền*<sup>11</sup> (tạm hiểu quyền trung ương và địa phương đan xen nhau) rất thuận lợi cho nền dân chủ hiện đại, với sự phân công hợp lý, mỗi người mỗi việc, hợp tác với nhau để công việc chung được hoàn thành mãn nguyện (thay cho hệ thống phân quyền mà giăng co đảng phái hiện nay).

Chúng tôi trích lại một đoạn trong *Việt Sử Thông Luận* (trang 28) của Lý Đông A về chính trị thời Lê Thánh Tông dưới đây, và qua thể chế liên bang hiện hành (một chính quyền trung ương mạnh, địa phương phân quyền – nhìn theo hàng dọc), ta có thể hình dung phần nào cơ chế đơn quyền: “...Đến đời Lê Thánh Tông, sự kiến thiết mới quy định và thực hiện, các làng được tự trị (theo Lạc Chế), ruộng đất cùng chia đều (công điền) nhưng cũng cho những người có tiền tậu để làm tư sản; chính trị vừa phân quyền (làng) vừa trung ương tập quyền (triều đình), pháp luật làm mới lại và rất rộng rãi kỹ lưỡng, giáo dục mở rộng (24 điều giáo hóa ra khắp dân chúng).”

Trong tài liệu *Duy Dân Cơ Năng* (trang 31), hệ thống đơn quyền cho nước Việt tương lai được đề xuất vận hành theo Thuyết Bản Vị, tinh tế và hữu hiệu hơn thể chế phân quyền, tức tam quyền phân lập của các nền dân chủ hiện đại.

---

<sup>11</sup> Lý Đông A (1943). *Việt Sử Thông Luận*. Học hội Thăng Nghĩa 2016 (4895 T.V.), tr. 28. <https://thangnghiadotorg.files.wordpress.com/2019/02/vietsuthongluan-version-layouted-may2016-1.pdf>

Lý Đông A (1942). *Duy Dân Cơ Năng*. Học hội Thăng Nghĩa 2018 (4897 T.V.), tr. 31. <https://thangnghiadotorg.files.wordpress.com/2019/01/bo5duydanconang-versionlayoutedjan2018.pdf>

Điểm cần lưu ý là “trung ương tập quyền” không phải “dân chủ tập trung” kiểu cộng sản. Tập quyền là để có những quyết định nhanh gọn mà hiệu quả, hợp tình hợp lý, phù hợp với tình thế và quyền lợi quốc gia, thực sự được quyết định bởi các ‘đại biểu quốc dân’ (các quan từ các địa phương trong triều). Dân chủ tập trung do các đại biểu của đảng (không phải của dân) quyết định. Bầu bán chỉ là hình thức. Do đó quyền lợi đảng đi trước quyền lợi dân, và nếu muốn, đảng có thể ngồi trên luật pháp quốc gia.

Khi đại đa số người dân đều có cuộc sống ổn định khá giả (gọi là ‘tư bản xã hội hoá’), lương bổng và tài sản được phân bổ tương đối đồng đều (*bình sản*) thay vì ngày càng tập trung vào 5, 10% ít ỏi trên đỉnh, khi đó các nhà nước phúc lợi (welfare states) không phải mang gánh nặng nợ nần cho những khoản trợ cấp xã hội to lớn. Hơn nữa, văn hoá Việt cổ suý sự cùng sống (bầu bí chung giàn) chứ không tranh sống, nên thành công của xã hội là thành quả chung của cả tập thể và cộng đồng; do vậy bình đẳng cơ hội, nghĩa vụ và quyền lợi lại càng thích hợp với văn hoá Việt.

Tại châu Âu, các nước lớn như Pháp, Đức, Ý hay Tây Ban Nha, trong một hai thập niên tới dân số sẽ già đi, không đủ người trẻ đi làm để đánh thuế nuôi người lớn tuổi và chi phí cho các chương trình xã hội khác. Họ chỉ có hai giải pháp: hoặc đánh thuế lũy tiến rất cao với những ai đang trong tuổi lao động, vốn đã chịu mức thuế cao, hoặc phải cắt giảm trợ cấp xã hội tối đa. Cả hai giải pháp đều rất khó thực hiện. Khi gặp giải pháp khó sẽ dễ tạo ra các chính khách mị dân, hứa nhiều để thắng cử chứ không giải quyết được bao nhiêu, trong khi quyền lực và quyền lợi lại thường là hưởng nhiều hơn người dân bình thường. Trung Cộng cũng sẽ phải đối phó với tình trạng dân số già nua trước khi thực hiện được giấc mơ cường quốc đứng đầu thế giới.

Trong cuốn *Capital in the Twenty-First Century*,<sup>12</sup> Kinh tế gia Thomas Piketty nhận xét rằng trong thời đại toàn cầu hoá, những người có bằng cấp và tay nghề cao mới theo kịp các phát minh công nghệ mới để kiếm được việc làm trả lương cao. Họ có đời sống khá giả, đầu tư vào nhiều lãnh vực khác nhau nên ngày càng khấm khá hơn. Thu nhập qua đầu tư rất cao, có thể lên tới 30-40% một năm, trong khi lương bổng của thành phần trung lưu vừa và thấp chỉ tăng khoảng 5% trong ba thập niên qua, sau lạm phát. Họ chỉ đủ

---

<sup>12</sup> Thomas Piketty (2017). *Capital in the Twenty-First Century*. Belknap Press: An Imprint of Harvard University Press. Reprint Edition.

sống và do giá cả mọi thứ, nhất là tiền thuê nhà tăng cao nên ngày càng gặp khó khăn.

Chỉ những người khá giả, giàu có mới có tài sản để lại cho con cháu. Do đó qua một vài thế hệ, của cải ngày càng tập trung vào 10-20% giàu có nhất. Điều này tạo ra hai giai cấp giàu nghèo khá rõ rệt trong xã hội, mà giai cấp lại là 'kẻ thù' của dân chủ.

Chúng tôi chỉ nêu ra một vài ví dụ điển hình trong hàng trăm vấn đề mà các nước tiên tiến hàng đầu đang gặp phải để chúng ta suy nghĩ đến vấn đề thực hiện bình đẳng cơ hội, nghĩa vụ và quyền lợi trong việc thiết kế nền kinh tế "bình sản" trong tương lai.

Về mặt tự vệ và xã hội tính, ở tự nhiên giới (động vật) là mạnh được yếu thua, cá lớn nuốt cá bé. Người không thể cư xử với nhau như tự nhiên giới mà luôn muốn sống an *hoà* bên nhau, và chỉ người mới có khả năng nghị hoà. *Hoà* là tiêu chuẩn của xã hội tính để trở thành nhân tính.

Nhờ ba tiêu chuẩn của xã hội tự tính là *trinh* (trên sắc tính), *bình* (trên nhu yếu tính), và *hoà* (trên tự vệ và xã hội tính) mà con người có nhân tính.

Theo Lý Đông A, *chính trị là điều lý nhân tính*<sup>13</sup> - không phải là tranh đoạt quyền hành dù trong thể chế đa hay lưỡng đảng - để người được sống theo nhân đạo (đường sống, lối sống người). Con người càng gần với ba tiêu chí trên, xã hội ngày càng thăng hoa và càng tiến hoá hướng thượng.

### **Duy Nhiên, Duy Nhân, Duy Dân thống nhất**

Ngày nay, ai cũng nhận ra rằng nhân loại là một, dân tộc là nhiều. Hiểu cách khác thì *nhân* (loại) là gốc của *dân* (tộc). Cả *nhân* và *dân* đều dựa vào tự nhiên, cải biến *nhiên* mà sống nên 'ba tầng' *nhiên, nhân, dân* có liên hệ mật thiết với nhau, không thể vì tư kỷ khai thác thiên nhiên quá mức gây nguy hại cho môi trường sống chung của loài người; hoặc chỉ biết mình, dân mình mà xây hết đập này đến đập khác dẫn đến hạ nguồn bị cạn nước. Cho nên hiến pháp mỗi quốc gia phải nêu bật được cương thường (nguyên lý sống,

---

<sup>13</sup> Lý Đông A (1945). *Bình Sản Kinh Tế*. Học hội Thăng Nghĩa 2017 (4896 T.V.), tr. 3. <https://thangnghiadotorg.files.wordpress.com/2020/01/binhsankinhhte-version-layouted-nov2017.pdf>

không phải tam cương ngũ thường) của cả nhân loại, không chỉ là giao kèo giữa nhà nước với nhân dân.

Nếu không thấy được sự nhất quán giữa *duy nhiên*, *duy nhân* và *duy dân* (gọi tắt là *nhiên*, *nhân*, *dân*) thì không đưa dân về được với nhân, dân hoà vào nhân khiến dân luôn tranh chấp, khó kiến tạo được một cộng đồng nhân loại vui sống bên nhau trong một môi trường lành mạnh.

Nhưng chân lý ở mỗi tầng *nhiên*, *nhân*, *dân* mỗi khác, cần phải thấu triệt và tôn trọng, hoặc điều chỉnh cho phù hợp khi ứng dụng chân lý ở tầng này vào tầng khác. Nếu không, sẽ tạo ra hỗn loạn hoặc chiến tranh, như những người cộng sản đã áp dụng quy luật đối lập hủy diệt (mạnh được yếu thua) trong tự nhiên giới (động vật) của tầng tự nhiên vào tầng nhân loại và tầng dân tộc; hoặc giới tư bản chỉ mong lợi nhuận cao, bất chấp có thể gây nguy hại cho người/dân tộc khác như trong vụ giới này rút vốn ra khỏi Thái Lan năm 1997, Nam Âu năm 2010 gây khủng hoảng kinh tế cho cả khu vực; hoặc do làm ăn cầu thả, chỉ nghĩ đến lợi nhuận phần mình mà gây tai họa cho biết bao người đã bị tiêu tán nhà cửa và tiền tiết kiệm trong vụ khủng hoảng tài chính năm 2007-2008 tại Mỹ. Hẳn mọi người còn nhớ những cuộc biểu tình Chiếm lĩnh giai đoạn đó (Occupy 2011) với phương châm "We are the 99%" (main treet) chống đối 1% tài phiệt Wall Street vì sự bất bình đẳng về lương bổng và tài sản.

Vũ trụ tự nhiên hiện hữu không biết đầu là đầu, đầu là cuối, trùng trùng duyên khởi và trùng trùng cứu cánh. Do đó chân lý của tầng *Duy Nhiên* là *vô nguyên tương đối*. Khoa học khám phá tới đâu, sự hiểu biết của con người về tự nhiên được nâng cao tới đó.

Vật chất có tính tương đối như nước có lúc ở thể lỏng, đặc hoặc hơi. Một phân tử oxy kết hợp với hai phân tử hydro sẽ tạo thành nước, nhưng oxy cũng là yếu tố làm hao mòn sắt. Những nhà duy vật chọn vật chất làm tiền đề triết học, vậy chọn ở "thời điểm" nào? Lúc oxy kết hợp với hydro thành nước hay khi oxy phá huỷ sắt? Chọn nguyên tử với tính chất riêng biệt hay vũ trụ mang tính bao quát? Cũng vậy, các nhà duy tâm chọn ý chí tuyệt đối (tinh thần) làm tiền đề. Nhưng không có vật chất, làm thế nào để tinh thần phát triển?

Hàng ngàn năm trước, Việt tộc đã biết cách thống nhất âm và dương, tả với hữu, tinh thần và vật chất để làm phong phú và cân bằng cuộc sống qua biểu tượng Tiên Rồng.

Trong một thế giới luôn tranh chấp và miệt mài đuổi bắt theo cuộc sống vật chất ngày nay, tìm lại đời sống quân bình cha ông truyền lại cho chúng ta là điều quan trọng và cấp thiết.

Như đã trình bày ở trên, không có sự xuất hiện của người, vũ trụ hiện hữu cũng thành vô nghĩa. Vậy chỉ người (*Duy Nhân*) là *nhất nguyên tuyệt đối*.

Người phải là trọng tâm của triết học. Mọi công trình kiến thiết cần xoay quanh con người: người làm chủ hoàn cảnh và xã hội (nhân chủ), dựa vào gốc người (nhân bản), theo đuổi thực hiện phạm trù người cho 'tính người' (ba tiêu chuẩn trinh, bình, hoà) ngày càng thăng hoa và hướng thượng (nhân tính). Vậy *nhân chủ, nhân bản, nhân tính* (tam nhân) cần trở thành mục tiêu theo đuổi trong việc xây dựng xã hội người cho mỗi dân tộc.

Do nhiều yếu tố khác nhau (văn hoá, lịch sử, ngôn ngữ, địa phương cư trú...) mà nhân-nhất-nguyên trở thành dân-đa-nguyên. Chân lý của dân (*Duy Dân*) là *đa nguyên tương đối*, cần phải được tôn trọng. Những người cộng sản đã sai lầm khi muốn phá bỏ dân để chỉ còn lại nhân trong thế giới đại đồng cộng sản.

Tuy phân ra ba tầng duy nhiên, duy nhân, và duy dân cho dễ nhận diện, trong thực tại đời sống, mọi hiện tượng sống đều bao gồm cả ba, cũng như mọi hiện tượng sống bao gồm: tự nhiên, tư tưởng và xã hội. Chúng luôn luôn thống nhất – ba trong một - như mỗi người đều có 'ba con người': con người cá nhân, con người dân tộc, và con người nhân loại. Khi ai ai cũng nhận ra trong ta có ba con người như thế thì cách suy nghĩ, cách sống và cách cư xử với nhau nhân bản hơn, dễ đưa đến một cộng đồng nhân loại vui sống hoà hài bên nhau hơn.

Vì không nhận ra chân lý ở mỗi tầng và đặt định mỗi người, mỗi đoàn thể cho đúng với chức năng và trách nhiệm mà Lý Đông A xét thấy "*các hiến pháp cũ, ước pháp trước chỉ có thể gọi được là những ước lệ, ước luật lâm thời... Tự nó bị hạn chế trong nền tảng và các điều kiện đương thời... nên ta phải kiểm thảo lại một lượt hết thảy để mà tung hợp một cách khách quan*

*lại thành những căn tính đồng nhất, những sự lệ tối đồng nhất của loài người [nhân loại nhất nguyên], lập định những cương thường... cho nay mai.”<sup>14</sup>*

Qua sự lập định những cương thường đó, ông cho rằng có thể phục hồi lại sinh mệnh loài người - người tự làm chủ lấy mình, xã hội và môi trường, gọi là *nhân chủ*; dân tự làm chủ lấy mình, gọi là *dân chủ nhân chủ* (hay dân chủ trên nhân chủ) - không để bị các thế lực kinh tế, chính trị thao túng hay thế lực siêu hình trói buộc, hoặc biến dân thành vong bản, vong thân.

Thấu triệt tất cả những điểm quan trọng bày bên trên, mỗi người, mỗi tập thể sẽ hoạt động ra sao nhằm đạt được một xã hội ổn định, hoà hài và cùng thăng tiến? Cần có mô hình để thực hiện. Đó là lý do cho sự ra đời của học thuyết Bản Vị.

### **Học thuyết Bản vị**

Bản vị là một hệ thống thống nhất, một tổng thể (whole, unit) bền chặt và ổn định, có tính chất đặc thù, kết hợp bởi các cơ năng thành phần.

Cơ năng là một cơ cấu có chức năng riêng biệt trong một hệ thống thống nhất (bản vị). Một hệ thống bản vị được cấu thành bởi nhiều cơ năng thành phần (parts). Mỗi cơ năng thành phần này có bản sắc và chức năng hoạt động đặc thù nhưng tác động với nhau một cách hoà điệu mà kết hợp nên hệ thống bản vị. Mỗi cơ năng tự nó lại phải được cấu thành bởi nhiều yếu tố, do đó bản thân mỗi cơ năng lại là một hệ thống bản vị. Như thế, mỗi bản vị đồng thời là một cơ năng và mỗi cơ năng đồng thời lại là một bản vị (ĐNHX).

Lý thuyết Hệ thống (Systems Theory), Phân tích Hệ thống (Systems Analysis) và Cơ cấu luận (Structuralism and Functionalism) là những khám phá của khoa học hiện đại, phù hợp với Học thuyết Bản Vị của Lý tiên sinh.

Khi chưa thấy được chân lý ở mỗi tầng và chưa biết cách thống nhất các mặt đối lập giữa tả và hữu, giữa tâm và vật để tạo quân bình, kiến thiết xã hội

---

<sup>14</sup> Lý Đông A (1943). *Duy Nhân Cương Thường*. Học Hội Thăng Nghĩa 2016 (4895 T.V.), tr 6. Chúng tôi giản lược câu văn gốc cho dễ đọc.  
<https://thangnghiadotorg.files.wordpress.com/2021/03/duynhancuongthuong-version-layouted-apr2016-rev.pdf>

dễ bị lệch lạc, đưa đến sự thất điều giữa các cơ năng thành phần (quốc gia/hội đoàn, chức nghiệp, gia đình, cá nhân) trong một bản vị chung (quốc tế/dân tộc).

Cơ năng cần *phân công và hợp tác*. Bản vị cần *hiệp điều và thống nhất*, như các ngón tay (cơ năng) trên một bàn tay (bản vị). Mỗi ngón tay tự nó lại là một bản vị bao gồm da, gân, xương... Đến phiên bàn tay lại trở thành cơ năng, kết hợp với các cơ năng khác để trở thành bản vị cánh tay. Quá trình vận động và kết hợp này được gọi là *cơ năng hoá*.<sup>15</sup>

Chúng ta có thể hình dung sự vận hành của các cơ năng thành phần chức nghiệp, hội đoàn như những bánh xe răng cưa ăn khớp với nhau, vận hành nhuần nhuyễn trong một bộ máy, hay các cơ phận trong cơ thể. Nếu các cơ năng không được *phân công* đúng chỗ, hoàn thành trách nhiệm và *hợp tác* với nhau thì cả guồng máy không còn *hiệp điều*, vận hành nhip nhàng *thống nhất* nữa.

Mỗi cá nhân vận động và kết hợp với các cá nhân khác để thành lập hội đoàn, tổ chức. Các hội đoàn vận động và kết hợp với nhau để trở thành xã hội. Trên bình diện quốc tế, thế giới đang đi vào mô hình cơ năng-bản vị: các quốc gia Đông Nam Á hay tại châu Âu hợp tác với nhau để trở thành các tổ chức khu vực như ASEAN hay Liên Hiệp Châu Âu. Các nơi khác cũng đều vận động để đi đến kết hợp như thế (NAFTA, CPTPP...).

Vậy vận động và kết hợp là hỗ tương nguyên nhân, như bản vị với cơ năng cũng hỗ tương nguyên nhân.

Khi cả thế giới áp dụng mô hình cơ năng-bản vị sẽ dễ dàng xây dựng được "đại đồng nhân loại" một cách ổn định, chân thực và bền vững. Các quốc gia sẽ tiến lên từ tiểu đại đồng dân tộc, sang trung đại đồng khu vực rồi đại đại đồng thế giới. Không thể tạo được quốc tế đại đồng bằng cách loại bỏ bản vị dân tộc hay 'áp đặt dân chủ' như tại Iraq hoặc Afghanistan.

---

<sup>15</sup> Trong tài liệu *Duy Nhân Cương Thường*, trang 33, Lý Đông A đã biên soạn cách thiết lập Hiến pháp theo cơ năng hoá. Ông gọi là Cơ Năng Hiến Pháp.  
<https://thangnghiadotorg.files.wordpress.com/2021/03/duynhancuongthuong-version-layouted-apr2016-rev.pdf>

Trong quá trình vận động và kết hợp để các cơ năng trở thành bản vị sẽ tạo ra một *trung tâm bản vị*, điều hành bản vị để tiếp tục vận động và kết hợp với các cơ năng khác hầu trở thành bản vị lớn, mạnh mẽ ổn định hơn. Trung tâm bản vị thực hiện công việc điều hành và phối hợp chứ không cai trị để các cơ năng phát huy hết khả năng và tiềm lực, đóng góp vào sự thịnh vượng tiến bộ của bản vị mới.

### **Phân công thay phân quyền**

Nhìn như thế thì vai trò của nhà nước cần thay đổi để trở thành trung tâm điều phối mọi hoạt động quốc gia, giúp dân tự phân chia bổn phận (self-regulating), tạo điều kiện để mọi cơ năng hợp tác với nhau hoàn thành trách nhiệm (self-governing) trong công việc chung, không còn là nhà nước cai trị (ruling) nữa.

Mỗi cơ năng bị tổn thương hay không hoàn tất nhiệm vụ đều ảnh hưởng đến sự ổn định và thăng tiến của cả bản vị. Một hay nhiều ngón tay bị trầy xước sẽ ảnh hưởng đến cả bàn tay, không còn cầm nắm một vật gì chắc chắn. Cũng vậy, bất cứ cơ phận nào (tim, gan, phổi, thận...) không làm đúng chức năng hay không hợp tác với cơ phận khác hoặc bị yếu đi, cả cơ thể sẽ đổ bệnh. Bộ óc không 'cai trị' nhưng điều phối mọi hoạt động để cơ thể ổn định và phát triển. Muốn vậy, dân phải được tự do hầu thực hiện chức năng của mỗi cơ năng, không bị gò ép chờ 'trên' quyết định giùm.

Như thế, *phân công* được thay thế cho *phân quyền*. *Quyền* đi theo *công* để hoàn thành công việc mình phụ trách chứ công không theo quyền. Quyền lúc đó có thể xem là *rights* thay vì *power* để các phe phái phải cố giữ hay giành giật như hiện nay. Trong cấu trúc cơ năng-bản vị thì quyền lực không còn là trọng tâm, mà công việc và hoàn thành công việc chung là quan trọng.

Bản vị học thuyết rất tương hợp với các khám phá của ngành quản trị, hay các học thuyết hiện đại như holacracy và systems theory.<sup>16</sup>

---

<sup>16</sup> Holacracy:

<https://www.holacracy.org/>

<https://www.investopedia.com/terms/h/holacracy.asp>

Systems Theory:

<https://www.sciencedirect.com/topics/psychology/systems-theory>

<https://www.onlinemswprograms.com/social-work/theories/systems-theory-social-work/>



Bản vị học thuyết mở ra một cách điều hành và quản lý mới, rất phù hợp với đời sống hiện đại hoá và toàn cầu hoá ngày nay, từ tập thể nhỏ đến những tổ chức có quy mô lớn, từ quốc gia đến quốc tế.

Điều này đòi hỏi cần có một nền giáo dục nhân bản, phát triển con người toàn diện, để không cần phải ép buộc răn đe mà mỗi người vẫn có thể *tự chủ, tự giác* và *tự động* hoàn thành trách nhiệm, góp sức với các cơ năng khác hầu công việc chung được thực hiện, hợp với lợi ích của cả tập thể, cũng rất phù hợp với văn hoá 'cùng sống' thay vì tranh sống của dân tộc ta từ ngàn xưa.

Tạ Dzu

25 tháng 10 năm 2021

(Tựa được thay đổi từ *Giới thiệu sơ lược về tư tưởng Lý Đông A* trên Tập san Triết với một vài cập nhật).

-----

Độc giả có thể tham khảo các tài liệu của Lý Đông A trên trang Thăng Nghĩa Lý Đông A theo đường dẫn:

<https://thangnghia.org/tuyen-tap-ly-dong-a/>

Độc giả cũng có thể đọc thêm các bài viết diễn giải về tư tưởng Lý Đông A trong mục Dẫn đàn Thăng Nghĩa cùng trang.

<https://thangnghia.org/ddtn-moi/>